

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LẠC
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 20/2021/HS-ST

Ngày 23 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huế

Bà Quan Hồng Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Mã Hùng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Lăng Văn P**, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm KT, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 3/12;

Dân tộc: Lô Lô; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lăng Văn K, sinh năm 1945 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1947; vợ: Không; con: Không;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó là tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 01/4/2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo **Chi Văn T**, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm KT, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao

Bằng

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 02/12;

Dân tộc: Lô lô; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Cô văn C (Đã chết) và bà Chi Thị N, sinh năm 1947; Vợ : Lãng Thị M, sinh năm 1993; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó là tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 01/4/2021 đến (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Bị cáo **Chi Văn P1**, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2000

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm KT, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 07/12;

Dân tộc: Lô lô; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Chi Văn V, sinh năm 1968 và bà Ban Thị V, sinh năm 1968; Vợ: Na Thị H, sinh năm 1995; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó là tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 12/4/2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

- Ông Lày Văn H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Xóm CL, xã BT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng

Người đại diện theo ủy quyền bà Lày Thị T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Xóm CL, xã BT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt)

- Bà Mê Thị D, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Xóm NT, xã HD, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

- Ông Đặng Chòi K, sinh năm 1986; Nơi cư trú: xóm PT, xã HG, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

- Ông Quan Thanh D, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xóm TT, xã PT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Na Thị H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm KT, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

- Bà Lãng Thị M, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Xóm KT, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 30/3/2021, Chi Văn T gọi điện thoại cho Lăng Văn P rủ đi trộm lợn, P đồng ý. Sau đó T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn trắng-xám, biển kiểm soát 11L1- 055.76 của mình đến gặp và chở P đi tìm lợn để trộm. T điều khiển xe máy chở P đi theo đường Quốc lộ 34 hướng đi huyện BK, tỉnh Cao Bằng. Khi đi qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BL thì rẽ qua cầu treo và đi khoảng mười phút đến địa phận xóm CL, xã BT. Tại đây, T và P thấy trong vườn của ông Lày Văn H có 05 (Năm) con lợn con và quan sát không có người ở nhà nên dừng lại và cùng nhau đi vào bắt lợn. T đến trước cửa nhà ông H và lấy một bao tải rồi cùng P vào vườn bắt lợn, P bắt được 03 (Ba) con lợn còn T bắt được 01 (Một) con lợn cho chung vào bao tải. T điều khiển xe máy chở P ngồi phía sau ôm bao tải đựng lợn và mang về cất giấu, đợi đến ngày chợ phiên thì mang đi bán. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Chi Văn P1 đến nhà P chơi và gặp T ở đó. Quá trình uống rượu và nói chuyện, P và T nói cho P1 biết hôm nay trộm được 04 (Bốn) con lợn, sau đó P1 xin tham gia cùng với T và P nếu những lần tới đi trộm lợn.

Khoảng 06 giờ ngày 31/3/2021, P1 dùng điện thoại nhãn hiệu OPPO của mình gọi điện thoại cho P hỏi hôm nay có đi trộm lợn nữa không, P trả lời "Có đi" và hẹn P1. P1 lấy 01 (Một) bao tải cho vào cốp xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu sơn đỏ-đen-bạc, biển kiểm soát 11L1- 109.24 của mình rồi điều khiển xe máy đến gặp T đang chở P bằng xe máy của T. Ba người đi theo đường Quốc lộ 34 hướng đi thành phố CB. Khi đi đến gần nhà của chị Mê Thị D thuộc xóm NT, xã HD, huyện BL, tỉnh Cao Bằng thấy có 06 (Sáu) con lợn con đang thả rông ở bờ đường và quan sát xung quanh không có người nên P1 và P dừng xe để bắt, còn T đứng canh giới. P1 bắt được 01 (Một) con lợn rồi bảo T mở cốp xe của mình lấy bao tải để đựng lợn, buộc miệng bao lại và để tại giá đỡ hàng phía trước xe máy của P1. Sau khi bắt được lợn, T điều khiển xe máy của mình chở P, còn P1 tự đi xe của mình cùng nhau đi tìm trộm lợn tiếp. Khi đi đến nhà của ông Đặng Chồi K thuộc xóm PT, xã HG, huyện BL, tỉnh Cao Bằng thấy không có người ở nhà nên ba người dừng xe kiểm tra xem nhà có lợn thì sẽ trộm. P đứng canh giới và trông con lợn vừa trộm được còn T lấy một bao tải chuẩn bị sẵn từ nhà cùng P đi vào chuồng lợn bắt được 01 (Một) con lợn rồi cho vào bao tải, mang đến chỗ để xe và để vào giá đỡ hàng phía trước xe máy của P, rồi cùng nhau điều khiển xe máy hướng đi xã PT. Đến đoạn đường rẽ đi xã HD, do sợ bị phát hiện về việc trộm cắp tài sản nên P và T bảo P1 chở 02 (Hai) con lợn vừa trộm được về trước cất giấu, còn P và T tiếp tục đi đến xã PT để tìm trộm lợn, P đồng ý rồi chở lợn về cất giấu tại rừng gần nhà. P và T tiếp tục đi đến đoạn đường gần nhà ông Quan Thanh D thuộc xóm TT, xã PT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng bắt được 01 (Một) con lợn, cho vào bao tải nhặt được ở trên đường đi. T điều khiển xe máy chở P ôm bao tải chứa lợn đi về nhà. Trên đường về thì P1 gọi điện thoại cho P và được P cho biết là vừa trộm thêm được 01

(Một) con lợn tại xã PT. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P1 mang lợn sang nhà của T; P, T và P1 cùng nhau đi tìm được 06 (Sáu) lồng tre để nhốt lợn.

Đến khoảng 05 giờ sáng, ngày 01/4/2021 T, P, P1 gặp nhau và thống nhất để P1 điều khiển xe máy của mình chở 03 (Ba) con lợn, T điều khiển xe máy của mình chở P và 04 (Bốn) con lợn đến chợ gia súc thuộc Tổ dân phố 5, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng để bán, nếu bán được lợn sẽ chia tiền đều cho ba người. Khi đang bày bán lợn thì ông Quan Thanh D đi chợ phiên tìm lợn và thấy lợn ở chỗ của P, T và P1 bày bán nên lấy điện thoại ra quay video, nghi hành vi trộm cắp lợn của mình bị phát hiện nên ba người bỏ lợn đang bày bán lại rồi điều khiển xe máy đi về nhà. Sau đó ông D đến Công an xã PT để trình báo sự việc.

Cơ quan điều tra đã tiến hành tạm giữ vật chứng vụ án là 05 (Năm) trong tổng số 07 (Bảy) con lợn gồm: 02 (Hai) con lợn trộm ngày 30/3/2021 tại xã BT và 03 (Ba) con lợn trộm ngày 31/3/2021 tại xã HD, xã HG và xã PT (riêng 02 (Hai) con lợn trong tổng số 04 (Bốn) con trộm ngày 30/3/2021 tại xã BT không tìm thấy do thất lạc), cân xác định khối lượng và ra Yêu cầu định giá tài sản số 04 ngày 06/4/2021 gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 09/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng kết luận: 01 (Một) con lợn đực lông màu đen nặng 4,6 kg (Bốn phẩy sáu kilogram) có giá trị 690.000 đồng (Sáu trăm chín mươi nghìn đồng); 01 (Một) con lợn đực lông màu đen nặng 05 kg (Năm kilogram) có giá trị 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng); 02 (Hai) con lợn cái lông màu đen mỗi con nặng 09 kg (Chín kilogram) có giá trị 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)/ 01 con; 01 (Một) con lợn đực lông màu đen nặng 6,6 kg (Sáu phẩy sáu kilogram) có giá trị 990.000 đồng (Chín trăm chín mươi nghìn đồng); 01 (Một) con lợn cái lông màu đen nặng 17,3 kg (Mười bảy phẩy ba kilogram) có giá trị 2.595.000 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi năm nghìn đồng); 01 (Một) con lợn cái lông màu đen nặng 25 kg (Hai mươi năm kilogram) có giá trị 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tài sản là 04 (Bốn) con lợn bị mất trộm ngày 30/3/2021 có giá trị 4.140.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng), tài sản là 03 (Ba) con lợn bị mất trộm ngày 31/3/2021 có giá trị 6.085.000 đồng (Sáu triệu không trăm tám mươi năm nghìn đồng). Tổng tài sản là 07 (Bảy) con lợn bị trộm cắp có giá trị 10.225.000 đồng (Mười triệu hai trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Ngày 13/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 06 trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Quan Thanh D, bà Mê Thị D, ông Lày Văn H.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình giống như diễn biến, hành vi được thể hiện trong cáo trạng. Các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp lợn của các bị hại với mục đích bán lại để lấy tiền chia nhau. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại.

Tại phiên tòa bà Lầy Thị T (người đại diện theo ủy quyền của ông Lầy Văn H) trình bày: Ngày 30/3/2021 ông bà phát hiện bị mất trộm 04 (Bốn) con lợn, sau đó ông bà đi tìm lợn nhưng không thấy. Ngày 31/3/2021 ông bà tiếp tục đi tìm lợn nhưng vẫn không có kết quả. Đến ngày 01/4/2021 thì có Công an đến nhà bà, dẫn theo bị cáo ông bà mới biết đây là người đã trộm lợn của gia đình bà. Hiện nay, ông bà đã nhận lại được 02 (Hai) con lợn bị mất trộm, còn 02 (Hai) con chưa nhận được. Ông bà đồng ý với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Tại phiên tòa, bà yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền giá trị hai con lợn bị mất không truy thu được và tiền công tìm kiếm lợn của ông, bà theo quy định của pháp luật. Đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bà Mê Thị D trình bày: Ngày 31/3/2021 bà bị mất một con lợn lông màu đen nặng khoảng 06kg (Sáu kilogam). Hiện nay, bà đã nhận lại tài sản bị mất trộm. Bà không yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự, yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ông Đặng Chòi K trình bày: Chiều 31/3/2021, ông phát hiện không thấy 01 (Một) con lợn khoảng 10 kg (Mười kilogam). Đến ngày 04/4/2021 thấy Công an xã Huy Giáp hỏi có bị mất lợn không, khi đó ông mới biết lợn nhà ông bị trộm. Ông đã nhận lại tài sản bị mất. Ông không có yêu cầu về bồi thường trách nhiệm dân sự, yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ông Quan Thanh D trình bày: Khoảng 13 giờ ngày 31/3/2021 ông phát hiện bị mất một con lợn cái có khoang màu đen, có bốn chân màu trắng, nặng khoảng 25kg (Hai mươi năm kilogam). Chiều cùng ngày, ông đi tìm xung quanh làng nhưng không thấy lợn. Sáng 01/4/2021 ông đến chợ gia súc tại Tổ dân phố 5, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng để tìm lợn. Tại đây, ông thấy có ba người đang bày bán lợn, có con lợn có đặc điểm giống con lợn của ông bị mất trộm. Ông lấy điện thoại di động để chụp ảnh, quay phim thì thấy người bán lợn bỏ chạy. Ông đã trình báo sự việc với Công an xã Phan Thanh, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Hiện nay, ông đã nhận lại được tài sản bị mất trộm, ông yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật và bồi thường tiền công tìm kiếm lợn cho ông với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bà Na Thị H trình bày: Bà là vợ của bị cáo Chi Văn P, xe máy hiệu Honda Wave biển kiểm sát 11L1-109.24 là tài sản chung của hai vợ chồng. Bà không biết chồng bà sử dụng xe máy để làm phương tiện đi trộm lợn. Chiếc điện thoại nhãn hiệu Symphony là điện thoại của bà, điện thoại chồng bà có nhãn hiệu Oppo đã bị mất nên chồng bà mượn điện thoại của bà để sử dụng. Tại phiên tòa, bà yêu cầu được trả lại xe máy và chiếc điện thoại di động.

Tại phiên tòa bà Lăng Thị M trình bày: Bà là vợ của bị cáo Chi Văn T, bà

không biết chồng bà trộm cắp lộn. Xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 11L1-055.76 là tài sản chung của vợ chồng bà. Tại phiên tòa, bà yêu cầu được trả lại xe máy này.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSBL ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Lăng Văn P, Chi Văn T và Chi Văn P1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lăng Văn P, Chi Văn T và Chi Văn P1 theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị khung hình phạt đối với bị cáo Lăng Văn P từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười năm) tháng tù, xử phạt bị cáo Chi Văn T từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười năm) tháng tù, xử phạt bị cáo Chi Văn P1 từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Đặng Chòi K và Mê Thị D đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Trong quá trình điều tra ông Lày Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền giá trị hai con lợn bị mất không truy thu được và 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền công, tiền xăng xe, ăn uống trong quá trình đi tìm lợn từ ngày 30/03/2021 đến ngày 01/4/2021. Tại phiên tòa, bà Lày Thị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền giá trị hai con lợn không truy thu được là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) và tiền công tìm kiếm lợn theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đối với số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) buộc các bị cáo phải bồi thường; Đối với tiền công tìm kiếm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc đưa ra mức bồi thường hợp lý, đúng quy định của pháp luật.

Buộc các bị cáo bồi thường cho ông Quan Thanh D số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền công ông D đi tìm lợn.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số IMEL1: 862435048925312, số IMEL2: 862435048925304, và 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số IMEL: 355633044124286;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 1/2 giá trị của: 01 (Một) Xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn trắng - xám, biển kiểm soát 11L1-055.76 số khung: RLHJA3109EY080683, số máy: JA31E0292753 và trả lại 1/2 giá trị xe máy cho bà M.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 1/2 giá trị của: 01 (Một) Xe máy nhãn

hiệu Honda Wave Alpha màu sơn Đỏ - Đen – Bạc, biển kiểm soát 11L1- 109.24, số khung 3907HY775933, số máy: JA39E0756103 và trả lại 1/2 giá trị của xe máy cho bà H.

Trả lại cho bà H: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Symphony số IMEL1: 353213089320040, số IMEL2: 353213089320057;

Tịch thu tiêu hủy: 04 (Bốn) sim điện thoại số: 0911041347, 0829389118, 0829742119, 0829600288 và 05 (Năm) lòng bằng tre.

Toàn bộ vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Lăng Văn P, Chi Văn T và Chi Văn P1 thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể: Ngày 30/3/2021 các bị cáo P và T đã chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 4.140.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng); Ngày 31/3/2021 các bị cáo P, T, P1 đã chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 6.085.000 đồng (Sáu triệu không trăm tám mươi năm nghìn đồng). Trong hai ngày 30/3/2021 và 31/3/2021 bị cáo P và T đã chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 10.225.000 đồng (Mười triệu hai trăm hai mươi năm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

Theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017:

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lăng Văn P, Chi Văn T và Chi Văn P1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo Lăng Văn P, Chi Văn T và Chi Văn P1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo Lăng Văn P, Chi Văn T và Chi Văn P1 sinh ra và lớn lên tại xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Các bị cáo có sức khỏe, sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lười lao động, ham muốn lợi ích trước mắt nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lăng Văn P, Chi Văn T và Chi Văn P1 thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo P1, không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Quan Thanh D, tuy nhiên P1 biết và được bàn bạc để các bị cáo T, P thực hiện hành vi trộm cắp, được cùng cất giấu lợn và mang lợn đi bán nên P1 cùng phải chịu trách nhiệm với các bị cáo T và P về hành vi trộm cắp lợn của ông D.

Đối với các bị cáo T, P và P1 cần áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Xem xét vai trò của các bị cáo, giá trị tài sản bị trộm cắp để đưa ra mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại bà Lày Thị T yêu cầu các bị cáo T và P bồi thường tổng số tiền là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền giá trị hai con lợn bị mất không truy thu được và tiền công tìm kiếm trong 1,5 ngày cho hai vợ chồng theo quy định của Pháp luật. Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều

589 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này là chính đáng cần được chấp nhận. Tại phiên tòa các bị cáo T và P đồng ý đều có trách nhiệm bằng nhau trong việc bồi thường cho bị hại.

Về tiền công tính theo mức lao động phổ thông tại địa phương như sau: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)/ 01 ngày/ 01 người. Tổng tiền công cho cả ông H và bà T là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền bị cáo T và P phải liên đới bồi thường cho bà T và ông H là 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường với số tiền là 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bị hại ông Quan Thanh D yêu cầu các bị cáo T, P, P1 bồi thường tổng số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) là tiền công đi tìm lợn. Căn cứ Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là chính đáng cần được chấp nhận. Tại phiên tòa các bị cáo T, P và P1 đồng ý đều có trách nhiệm bằng nhau trong việc bồi thường cho bị hại. Mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông D số tiền là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với vật chứng là: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn trắng-xám, biển kiểm soát 11L1-055.76 số khung: RLHJA3109EY080683, số máy: JA31E0292753. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, đây là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Chi Văn T, xe máy là tài sản chung của vợ chồng, vợ bị cáo không biết bị cáo sử dụng tài sản chung để thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước giá trị 1/2 của xe máy, trả lại 1/2 giá trị cho bà Lăng Thị M.

- Đối với vật chứng là: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu sơn đỏ-đen-bạc, biển kiểm soát 11L1- 109.24, số khung 3907HY775933, số máy: JA39E0756103; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, đây là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Chi Văn P, xe máy là tài sản chung của vợ chồng, vợ bị cáo không biết bị cáo sử dụng tài sản chung để thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước giá trị 1/2 của xe máy, trả lại 1/2 giá trị cho bà Na Thị H.

- Đối với vật chứng là: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số IMEL1: 862435048925312, số IMEL2: 862435048925304 của Chi Văn T và 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số IMEL: 355633044124286 của Lăng Văn P. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

- Đối với vật chứng là: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Symphony số IMEL1: 353213089320040, số IMEL2: 353213089320057. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ đây là điện thoại của bà Na Thị H nên cần trả lại cho bà H.

- Đối với vật chứng là: 04 (Bốn) sim điện thoại: 0911041347, 0829389118, 0829600288, 0829742119 và 05 (Năm) Lồng bằng tre. Đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Lăng Văn P, bị cáo Chi Văn T, bị cáo Chi Văn P1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Chi Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 01/4/2021;

- Xử phạt bị cáo Lăng Văn P 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 01/4/2021;

- Xử phạt bị cáo Chi Văn P1 09 (Chín) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 12/4/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo T và bị cáo P mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Lầy Thị T số tiền là 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo T, bị cáo P, bị cáo P1 mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Quan Thanh Dũng số tiền là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, phát mại sung công quỹ nhà nước 1/2 giá trị của 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn trắng-xám, biển kiểm soát 11L1-055.76 số khung: RLHJA3109EY080683, số máy: JA31E0292753; Trả lại 1/2 giá trị của xe máy cho bà Lăng Thị M.

- Tịch thu, phát mại sung công quỹ nhà nước 1/2 giá trị của 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu sơn đỏ-đen-bạc, biển kiểm soát 11L1-109.24, số khung 3907HY775933, số máy: JA39E0756103; Trả lại 1/2 giá trị của xe máy cho bà Na Thị H.

- Tịch thu, phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động

nhãn hiệu OPPO số IMEL1: 862435048925312, số IMEL2: 862435048925304, và 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số IMEL: 355633044124286.

- Trả lại cho bà Na Thị H: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Symphony số IMEL1: 353213089320040, số IMEL2: 353213089320057;

- Tịch thu tiêu hủy: 04 (Bốn) sim điện thoại: 0911041347, 0829389118, 0829600288, 0829742119 và 05 (Năm) Lồng bằng tre.

Toàn bộ vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/6/2021.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Các bị cáo Chi Văn T, Lăng Văn P, Chi Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Nhà tạm giữ;
- UBND xã HT;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THÙY NGÂN